

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/08/2016 của
TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

**TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
CÔNG NGHIỆP SỐ 2 (D2D)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 161/CV-D2D-TCHC

Biên Hòa, ngày 30 tháng 06 năm 2020

V/v: Chọn Công ty kiểm toán
BCTC 2020, ban hành Quy chế CBTT.

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2**
 - Tên viết tắt: **Công ty D2D**
 - Mã chứng khoán: **D2D**
 - Trụ sở chính: H22 Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, TP.Biên Hòa, Đồng Nai.
 - Điện thoại: (84-251) 3817 742 Fax: (84-251) 3817 768
 - Người thực hiện công bố thông tin: Ông Hồ Đức Thành- Tổng giám đốc.
- Loại thông tin công bố:
- định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 (D2D) thông báo về Nghị quyết Hội đồng quản trị số 08/NQ-D2D-HĐQT ngày 30/06/2020 với các nội dung sau:

1. Chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.
2. Ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty D2D.

Thông tin này được công bố trên Trang thông tin điện tử của Công ty D2D vào ngày 30/06/2020 tại đường dẫn <http://www.d2d.com.vn>.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng công ty Sonadezi (b/c);
- Lưu: VT.



Hồ Đức Thành

Số: 08/NQ-D2D-HĐQT

Biên Hòa, ngày 30 tháng 06 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/07/2019;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQ-D2D-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2020 của Công ty CP Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành kèm theo Quyết định số 26/QĐ-D2D-HĐQT ngày 12/12/2017 của Chủ tịch HĐQT Công ty D2D;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 02/BB-D2D-HĐQT ngày 30/06/2020 của Công ty CP Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 (Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQ-D2D-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2020):

Hội đồng quản trị thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty CP Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2.

Điều 2. Ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty D2D:

Hội đồng quản trị phê duyệt việc ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty D2D (Quy chế được đính kèm).

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, những người đại diện phần vốn của Công ty D2D chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Tổng công ty Sonadezi (b/c);
- Lưu: HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Hà Quan Dũng

D2D

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2**

**NIÊM YẾT TẠI
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Ban hành tháng 06/2020

MỤC LỤC

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Tài liệu tham khảo.....	1
Điều 3. Các chữ viết tắt	1
Điều 4. Giải thích từ ngữ	2
Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin.....	3
Điều 6. Phương tiện công bố thông tin.....	4
Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	5
Điều 7. Lưu đồ thực hiện.....	5
Điều 8. Các nội dung công bố thông tin.....	6
Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM	6
Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng ban liên quan.....	6
Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin	6
Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm.....	7
Điều 12. Triển khai thực hiện	7

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp quan hệ công tác giữa các Phòng ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng

a. Người công bố thông tin.

b. Các phòng ban liên quan gồm: Phòng Kế toán, Phòng Tổ chức - Hành chính và các phòng ban liên quan đến việc công bố thông tin của Công ty.

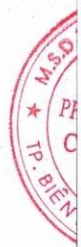
c. Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 2. Tài liệu tham khảo

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.
- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 296/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế hướng dẫn công ty đại chúng sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 31/03/2017;
- Căn cứ Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TP.HCM ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/08/2016 của Tổng giám đốc SGDCK TP.HCM;
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 3. Các chữ viết tắt

- Công ty : Công ty cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- IDS Plus : Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN
- SGDCK TP.HCM/ HOSE : Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh
- VSD : Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
- TTCKVN : Thị trường Chứng khoán Việt Nam



- CBTT	: Công bố thông tin
- ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT	: Hội đồng quản trị
- BKS	: Ban kiểm soát
- TGD	: Tổng giám đốc
- KTT	: Kế toán trưởng
- BCTC	: Báo cáo tài chính
- CĐL	: Cổ đông lớn
- CPQ	: Cổ phiếu quỹ
- GCNĐKDN	: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- CTĐC	: Công ty đại chúng
- NY	: Niêm yết
- NNB	: Người nội bộ
- NCLQ	: Người có liên quan
- CTĐC QML	: Công ty đại chúng quy mô lớn
- CTĐC NY	: Công ty đại chúng niêm yết.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. *Người nội bộ của công ty đại chúng* là:
 - Thành viên Hội đồng quản trị;
 - Kiểm soát viên;
 - Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán, người phụ trách kế toán;
 - Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin.
2. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 6 Quy chế này.
3. *Ngày báo cáo về việc công bố thông tin* là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK TP.HCM hoặc ngày UBCKNN, SGDCK TP.HCM nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước.
4. Đối với tài liệu dưới dạng văn bản: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:
 - Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.
 - Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).
5. *Bản scan văn bản dùng CBTT* phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.
6. *Dữ liệu điện tử dùng CBTT* là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode).
7. *Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của công ty đại chúng* là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được công ty đại chúng mua lại làm cổ phiếu quỹ.

8. *Người công bố thông tin* là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được uỷ quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được uỷ quyền công bố thông tin công bố.

9. *Người có liên quan [1]* là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:

a. Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh chị em ruột, anh em rể, chị em dâu của cá nhân;

b. Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm (10%) số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;

c. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;

d. Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;

e. Công ty mẹ, công ty con; người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;

f. Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;

g. Cá nhân được uỷ quyền đại diện cho những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d, e và f khoản này;

h. Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để đầu tư góp vốn, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty;

i. Doanh nghiệp trong đó những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;

j. Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

10. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán* (CTĐC QML, CTĐC NY, Tổ chức phát hành chứng khoán ra công chúng, Công ty chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán, Quỹ và các Công ty quản lý quỹ) là tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, các thông tin tài chính và các báo cáo khác của các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán [2].

Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.

2. Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

[1] Theo quy định tại Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.

[2] Theo quy định tại Điều 4 Thông tư 183/2013/TT-BTC về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng.



3. Khi công bố thông tin, đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.

4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

5. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều 5 Quy chế này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM thực hiện công bố thông tin.

Điều 6. Phương tiện công bố thông tin

STT	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	Công ty	Chuyên mục về Quan hệ cổ đông (nhà đầu tư) trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty (*)
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - IDS Plus
3	Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM	Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp	Trang thông tin điện tử của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
5		Báo in, Báo điện tử,...

(*) Lưu ý:

- Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện công bố thông tin trên Chuyên mục về Quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin khác theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

- Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.

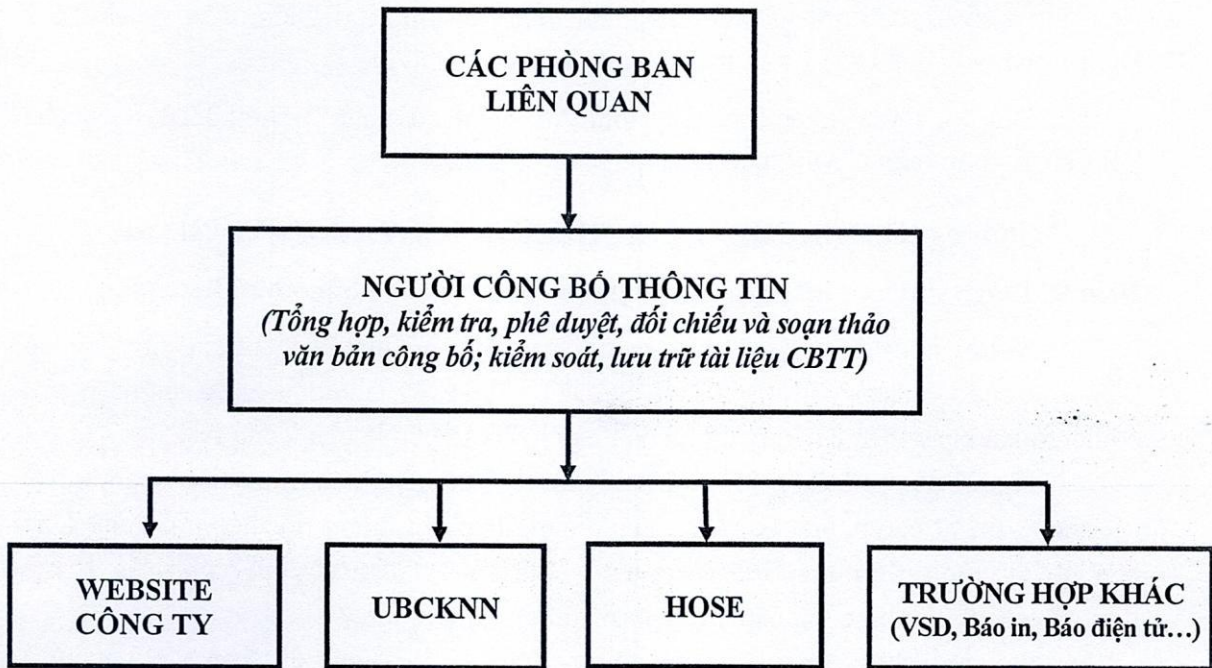
- Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

- Các thông tin công bố định kỳ, bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty trong tối thiểu 05 năm.

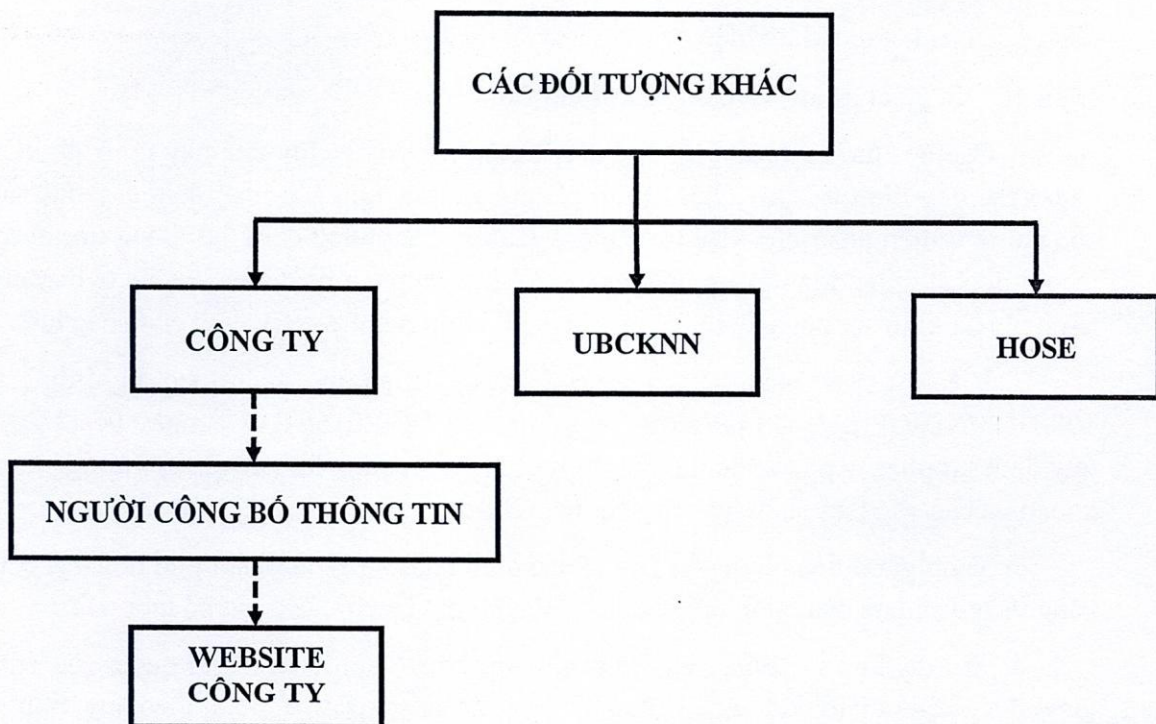
Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 7. Lưu đồ thực hiện

1. Áp dụng đối với cá nhân, các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này.



2. Áp dụng đối với các đối tượng khác theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 1 Quy chế này.



00259
CÔNG TY
PHẦN
ĐỒ TH
GIỆP
2
ĐỒNG N

- Ghi chú:** **→** : Gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN và SGĐCK TP.HCM
 ---→ : Người công bố thông tin tiếp nhận thông tin từ đối tượng khác thực hiện rà soát và công bố lên website công ty.

Điều 8. Các nội dung công bố thông tin

1. Cá nhân, các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 của Quy chế CBTT này thực hiện CBTT theo Phụ lục 1.
2. Các đối tượng khác theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 1 của Quy chế CBTT này thực hiện CBTT theo Phụ lục 2.

Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng ban liên quan

1. Người công bố thông tin chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với UBCKNN, SGĐCK TP.HCM, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
2. Người công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các phòng ban chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này. Trưởng các phòng ban chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người công bố thông tin.
3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các phòng ban liên quan (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người công bố thông tin trong vòng 12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện công bố thông tin.
4. Người công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện.

Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
2. Việc xử lý vi phạm về công bố thông tin được thực hiện theo Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23/09/2013, Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 01/11/2016 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.
3. Tổng giám đốc có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về công bố thông tin.
4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của Tổng giám đốc, Tổng giám đốc sẽ báo cáo Hội đồng quản trị xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm

1. Đối với vi phạm phát sinh từ người công bố thông tin: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
2. Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân trực thuộc phòng ban: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Tổng giám đốc.

Điều 12. Triển khai thực hiện

1. Căn cứ vào nội dung Quy chế, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.
3. Việc sửa đổi bổ sung Quy chế này do Chủ tịch HĐQT quyết định sau khi được Hội đồng quản trị thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hà Quan Dũng





PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC PHÒNG BAN LIÊN QUAN

Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
A. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ			
I. Báo cáo tài chính			Phòng Kế toán
1. Báo cáo tài chính quý	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Trong thời hạn 18 ngày kể từ ngày kết thúc quý	
2. Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 43 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	
3. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Trong thời hạn 08 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 88 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	
<p>Chú ý khi công bố thông tin Báo cáo tài chính phải giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước. - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại. 	Công bố thông tin đồng thời với Báo cáo tài chính cần giải trình		

Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
<p>Chú ý khi công bố thông tin Báo cáo tài chính phải giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong Báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với Báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại Báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với Báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại. - Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên. 	<p>Công bố thông tin đồng thời với Báo cáo tài chính cần giải trình</p>		
II. Báo cáo thường niên			Thư ký công ty
Báo cáo thường niên	<p>Chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính</p>		
III. Báo cáo tình hình quản trị công ty			Thư ký công ty
1. Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên	<p>Chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch</p>		
2. Báo cáo tình hình quản trị công ty năm	<p>Chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch</p>		
<p>3. Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty theo mẫu CBTT/SGDHCM-03 của Quyết định số 340:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một bản báo cáo - Một bản dữ liệu điện tử theo định dạng Excel 	<p>Gửi kèm Báo cáo tình hình quản trị công ty đến SGDCK TP.HCM</p>		

Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
IV. Đại hội đồng cổ đông			Thư ký công ty
1. Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng		
2. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông	Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ		
3. Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ <i>Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn</i>	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ		
V. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản			Thư ký công ty
1. Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng		
2. Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết	Chậm nhất 15 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến		
3. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết ĐHĐCĐ <i>Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</i>	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông		
VI. Công bố thông tin về hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn			
1. Nghĩa vụ công bố thông tin trong trường hợp thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng	Thực hiện theo quy định của pháp luật về chào bán chứng khoán		Thư ký công ty

Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
2. Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (<i>Trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư</i>)	Định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được		Thư ký công ty
3. Quyết định thay đổi nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn	- Trong vòng 10 ngày kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này, phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử - Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất		Thư ký công ty
4. Báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận	Công bố tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận		Phòng Kế toán
VII. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài			
Công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này	Thực hiện theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam		Thư ký công ty
VIII. Danh sách cổ đông Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ (Theo mẫu CBTT/SGDHCM-04 của Quyết định số 340)			Thư ký công ty
1. Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ tại thời điểm 03 tháng đầu năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 10/03 (<i>Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 28/02</i>)		

Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
2. Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ tại thời điểm 06 tháng đầu năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 10/06 <i>(Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/05)</i>		
3. Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ tại thời điểm 09 tháng đầu năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 10/09 <i>(Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/08)</i>		
4. Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ tại thời điểm 06 tháng cuối năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 10/12 <i>(Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/11)</i>		
B. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG			Thư ký công ty
1. Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính công ty.	Trong thời hạn 24 giờ		
2. Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh.	Trong thời hạn 24 giờ		
3. Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của công ty được sửa đổi, bổ sung.	Trong thời hạn 24 giờ		
4. Bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh.	Trong thời hạn 24 giờ		
5. Thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.	Trong thời hạn 24 giờ		

Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
6. Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ.	Trong thời hạn 24 giờ		
7. Quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu.	Trong thời hạn 24 giờ		
8. Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ		
9. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	Trong thời hạn 24 giờ		
10. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ		
11. Quyết định thay đổi tên công ty, con dấu của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ		
12. Quyết định thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch.	Trong thời hạn 24 giờ		
13. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ		
14. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ		
15. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật).	Trong thời hạn 24 giờ		
16. Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng).	Trong thời hạn 24 giờ		

Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
17. Doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán BCTC của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ		
18. Kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có).	Trong thời hạn 24 giờ		
19. Ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với BCTC.	Trong thời hạn 24 giờ		
20. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.	Trong thời hạn 24 giờ		
21. Quyết định đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện.	Trong thời hạn 24 giờ		
22. Công ty đăng ký mô hình công ty và loại báo cáo tài chính phải công bố thông tin sau khi đăng ký ngày giao dịch đầu tiên hoặc đăng ký lại loại báo cáo tài chính khi thay đổi mô hình công ty (do tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết, dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc thành lập, giải thể đơn vị trực thuộc) theo mẫu CBTT/SGDHCM-07 của Quyết định số 340.	Trong thời hạn 24 giờ		

Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
23. Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan.	Trong thời hạn 24 giờ		
24. Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi.	Trong thời hạn 24 giờ		
<p>25. Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành theo mẫu CBTT/SGDHCM-08 của Quyết định số 340. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán. - Trường hợp công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ. - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, công ty CBTT trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT. 	Trong thời hạn 24 giờ		
26. Quyết định về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ.	Trong thời hạn 24 giờ		
27. Công ty gửi cho UBCKNN Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03 của Thông tư 155.	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi		

Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
28. Công ty gửi cho SGDCK Bản cung cấp thông tin (trường hợp bổ nhiệm người nội bộ mới) theo Phụ lục số 03 của Thông tư 155 và Danh sách người nội bộ và người có liên quan theo mẫu CBTT/SGDHCM-05 của Quyết định số 340.	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi người nội bộ		
29. Trường hợp có sự thay đổi người có liên quan của người nội bộ, Công ty báo cáo cho SGDCK về thay đổi người có liên quan của người nội bộ theo mẫu CBTT/SGDHCM-06 của Quyết định số 340.	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi		
30. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên có đơn xin từ nhiệm khi chưa được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông, công ty thực hiện công bố đơn xin từ nhiệm trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được đơn xin từ nhiệm.	Trong thời hạn 24 giờ		
31. Nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ		
32. Nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ		
33. Kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế.	Trong thời hạn 24 giờ		
34. Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại BCTC năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.	Trong thời hạn 24 giờ		



 25/9/2015
 TTY
 AN
 O TH
 EP
 G NAI

Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại BCTC năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét, công ty CBTT về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo BCTC năm gần nhất đã kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.	Trong thời hạn 24 giờ		
35. Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ		
36. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ		
37. Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại BCTC năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.	Trong thời hạn 24 giờ		
38. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ		
39. Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.	Trong thời hạn 24 giờ		
40. Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	Trong thời hạn 24 giờ		
41. Quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của công ty tính tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.	Trong thời hạn 24 giờ		

Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
42. Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài.	Trong thời hạn 24 giờ		
43. Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty công bố báo cáo tài chính khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.	Trong thời hạn 10 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký		
44. Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, công ty công bố báo cáo tài chính sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán doanh nghiệp.	Trong thời hạn 10 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký		
45. Sau khi chia, tách, sáp nhập, công ty là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sáp nhập công bố Báo cáo tài chính khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán.	Trong thời hạn 10 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký		
46. Đối với các sự kiện cần có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.	Công bố thông tin theo quy định kể từ khi ban hành quyết định/nghị quyết và công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.		
C. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU			Thư ký công ty
Theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán khi: 1. Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư. 2. Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu		

Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
D. CBTT LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU			Thư ký công ty
1. Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSD, báo cáo cho SGDCK TP.HCM đồng thời CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan.	Chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.		
2. Công ty gửi cho SGDCK TP.HCM các tài liệu sau: a. Một (01) bản tóm tắt số cổ đông của công ty tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền theo mẫu CBTT/SGDHCM-09 của Quyết định số 340. b. Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng excel danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền.	Trong vòng 15 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng		
3. Trường hợp hủy nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDCK, CBTT và gửi thông báo cho SGDCK nêu rõ lý do hủy.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng		



PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

1. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty

- Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty hoặc khi không còn là cổ đông lớn phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho Công ty, UBCKNN và SGDCK TP.HCM theo **Mẫu 14-CĐL** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% phải công bố thông tin và báo cáo cho Công ty, UBCKNN, SGDCK TP.HCM theo **Mẫu 15-CĐL** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi trên.

Ghi chú: Không áp dụng CBTT đối với trường hợp cổ đông lớn thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

Ví dụ: Nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong vòng 07 ngày, kể từ ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo Công ty, UBCKNN và SGDCK TP.HCM về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.

- Công ty công bố trên website của Công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của các đối tượng này.

2. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ

- Trước khi thực hiện giao dịch: Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, người nội bộ của Công ty, người có liên quan của Công ty và người có liên quan của người nội bộ phải CBTT và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK TP.HCM và Công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu theo **Mẫu 16-GD NNB** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có CBTT từ SGDCK TP.HCM.

Ghi chú: Người nội bộ của Công ty, người có liên quan của Công ty và người có liên quan của người nội bộ không được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

- Sau khi thực hiện giao dịch: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ của Công ty, người có liên quan của Công ty và người có liên quan của người nội bộ phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK TP.HCM và Công ty về kết quả giao dịch theo **Mẫu 17-GD NNB** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).

3. Ghi chú

- Người nội bộ của Công ty, người có liên quan của Công ty và người có liên quan của người nội bộ chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

- Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty, người có liên quan của Công ty và người có liên quan của người nội bộ, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định.











- Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Công ty, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu, công ty chứng khoán phải báo cáo UBCKNN, SGDCK TP.HCM và Công ty trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.








- Trường hợp Công ty mẹ của Công ty hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (công đoàn, đoàn thanh niên...) thực hiện giao dịch cổ phiếu phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ.

- Công ty công bố trên website của Công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của người nội bộ của Công ty, người có liên quan của Công ty và người có liên quan của người nội bộ.



PHỤ LỤC 3: CÁC MẪU BIỂU

STT	Ký hiệu mẫu biểu	File mẫu	Nội dung
1	Mẫu 01 - BCTN	 Mau 01 - BCTN	Báo cáo thường niên (Thông tư số 155/2015/TT-BTC)
2	Mẫu 02 - BCCTT	 Mau 02 - BCCTT	Bản cung cấp thông tin người nội bộ (Thông tư số 155/2015/TT-BTC)
3	Mẫu 03 - BCQT	 Mau 03 - BCQT	Báo cáo quản trị 06 tháng đầu năm/năm (Thông tư số 155/2015/TT-BTC)
4	Mẫu 04 - BC	 Mau 04 - BC	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (Nghị định số 58/2012/NĐ-CP)
5	Mẫu 05 - THQ	 Mau 05 - THQ	Thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (Quyết định số 197/QĐ-VSD năm 2017)
6	Mẫu 06 - DS	 Mau 06 - DS.docx	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ công ty (Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM)
7	Mẫu 07 - CCTT	 Mau 07 - CCTT.docx	Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty (Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM)
8	Mẫu 08 - DSNNB	 Mau 08 - DS.docx	Danh sách người nội bộ và những người có liên quan (Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM)
9	Mẫu 09 - TB	 Mau 09 - TB.docx	Thay đổi người có liên quan của người nội bộ (Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM)
10	Mẫu 10 - DK	 Mau 10 - DK.docx	Đăng ký mô hình công ty và loại báo cáo tài chính (Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM)

STT	Ký hiệu mẫu biểu	File mẫu	Nội dung
11	Mẫu 11 - TDCP	 Mẫu 11 - TDCP.docx	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành <i>(Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM)</i>
12	Mẫu 12 - TTSCD	 Mau 12 - TTSCD.docx	Tóm tắt sổ cổ đông của công ty <i>(Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM)</i>
13	Mẫu 13 - CBTT	 Mau 13 - CBTT.docx	Công bố thông tin bất thường <i>(Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM)</i>
14	Mẫu 14 - CĐL	 Mẫu 14 - CDL.docx	Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn <i>(Thông tư số 155/2015/TT-BTC)</i>
15	Mẫu 15 - CĐL	 Mẫu 15 - CDL.docx	Báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của công ty khi có sự tăng/giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% <i>(Thông tư số 155/2015/TT-BTC)</i>
16	Mẫu 16 - GD NNB	 Mẫu 16 - GD NNB.docx	Thông báo giao dịch cổ phiếu của người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ trước khi thực hiện giao dịch <i>(Thông tư số 155/2015/TT-BTC)</i>
17	Mẫu 17 - GD NNB	 Mẫu 17 - GD NNB.docx	Báo cáo giao dịch cổ phiếu của người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ sau khi thực hiện giao dịch <i>(Thông tư số 155/2015/TT-BTC)</i>